

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 10 năm 2018
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gạt
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Long – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Doãn T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu Tu, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Doãn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Thu Tu xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn vào năm 1989 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại thôn C, xã

H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến ngày 01/01/2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về lối sống nên thường xuyên cãi nhau, bà Tu luôn tự ý quyết định mọi vấn đề trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến gia đình lâm vào cảnh thiếu nợ triền miên. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến năm 2011 thì quay lại sống chung vì nghĩ đến con. Trong thời gian quay lại chung sống ông T vẫn thường xuyên khuyên bảo nhưng bà Tu vẫn không nghe, vẫn tự ý vay mượn, làm những việc mà ông không được biết dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn bất hòa, mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị Thu Tu.

Về quan hệ con chung: Ông T xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Doãn Th – sinh ngày 12/6/1990, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Thu Tu đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Tu vắng mặt không có lý do.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); CMND và hộ khẩu (bản photo chứng thực); 01 Trích lục khai sinh của con (bản sao); Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Doãn T; về quan hệ hôn nhân, xử cho ông T được ly hôn bà Trần Thị Thu Tu. Án phí dân sự sơ thẩm ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn bà Trần Thị Thu T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Ông Lê Doãn T và bà Trần Thị Thu Tu xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1989 tại UBND xã H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật Hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về lối sống nên thường xuyên cãi nhau, bà Tu luôn tự ý quyết định mọi vấn đề trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến gia đình liên tục lâm vào cảnh thiếu nợ. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2009 đến năm 2011 thì quay lại sống chung nhưng cuộc sống vợ chồng luôn bất hòa, mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông đã về nhà cha mẹ của ông, mỗi người sống mỗi nơi. Qua xác minh tại địa phương, thể hiện vợ chồng ông T và bà Tu thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại ông T và bà Tu không còn sống chung với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà Tu đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn T và xử cho ông T được ly hôn bà Trần Thị Thu Tu.

[3] Về con chung: Ông Lê Doãn T xác định ông bà có 01 con chung tên là Lê Doãn Th – sinh ngày 12/6/1990, con chung đã thành niên, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Lê Doãn T phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn T đối với bà Trần Thị Thu Tu về việc "Ly hôn".

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Doãn T được ly hôn bà Trần Thị Thu Tu.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Doãn T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông T đã nộp tại biên lai thu số 6457 ngày 22/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho ông Lê Doãn T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 04.10.2018. Riêng bà Trần Thị Thu Tu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ;

Huỳnh Thị Thu Thương